

Bản án số: 52/2022/HN-ST

Ngày: 26/5/2022

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung

2. Ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/2/2022 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45A/2020/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST - HN ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Cao Văn H, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2022, trong quá trình tố tụng sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh Cao Văn H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện C vào ngày 18 tháng 01 năm 2005. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có người

phụ nữ khác bên ngoài không còn trách nhiệm với chị L và các con chung,.... Thời gian sống ly thân, chị L cho rằng đã suy nghĩ kỹ và thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh H là không có khả năng hàn gắn. Vì vậy, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết cho chị với các nội dung như sau:

+ Về hôn nhân: chị L yêu cầu ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Chị L xác định giữa chị L và anh H có 02 con chung tên Cao Tấn N, sinh ngày 23/8/2007 và Cao Thùy Yến N1, sinh ngày 21/10/2008. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi hai con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Cao Văn H, tuy nhiên anh H không làm bản tự khai nộp cho Tòa án cũng không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa.

Tại biên bản lấy ý kiến con chung của Tòa án ngày 19/4/2022 đối với các cháu Cao Tấn N, sinh ngày 23/8/2007 và Cao Thùy Yến N1 sinh ngày 21/10/2008 hai cháu N, N1 đều có nguyện vọng sống cùng chị L nếu chị L và anh H ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là chưa tuân thủ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã tồn tại mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận;

Về con chung: Căn cứ vào yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung của chị L và nguyện vọng muốn sống cùng mẹ của cháu N, cháu N1 - Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không đề nghị xem xét, giải quyết;
Về nợ chung: không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục: anh Cao Văn H được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H, chị L là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Cao Văn H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện C vào ngày 18 tháng 01 năm 2005 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, từ năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có người phụ nữ khác, không còn tình cảm và chăm lo cho cuộc sống của chị L và các con. Thời gian sống ly thân hai bên không có thiện chí, biện pháp hàn gắn tình cảm. Khi chị L có đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn cùng anh H, anh H không một lần đến gặp chị L yêu cầu hàn gắn hay yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì hôn nhân giữa anh và chị L. Qua đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xét việc chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung giữa chị L và anh H là Cao Tấn N, sinh ngày 23/8/2007 và Cao Thùy Yến N1, sinh ngày 21/10/2008 đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung cũng như quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Vì càu leõ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Cao Văn H.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi 02 con chung tên Cao Tấn N, sinh ngày 23/8/2007 và Cao Thùy Yến N1, sinh ngày 21/10/2008 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Cao Văn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Tòa không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng không xem xét.
5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003735 ngày 19/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, án phí vụ kiện chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Ba Tri;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rẻn

